

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 12 năm 2023
V/v xin ly hôn, trả chấp về con
chung khi ly hôn

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tênh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Tổ
2. Ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Sa Hoàng Nhật Thương- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thùy L, sinh năm 1992. NĐKHKT: Tiểu khu 4, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: A Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1991. NĐKHKT: Tiểu khu Tiền Phong, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Hiện đang đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có ý kiến tại bản tự khai ngày 30/10/2023 xin được xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thùy L trình bày như sau:

Chị và A Nguyễn Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2011 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai A chị đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. A chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 04/11/2011 và được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi cưới, A chị chung sống hạnh phúc được 1 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do A Tuấn A sử dụng ma túy, vợ chồng hay xảy ra cãi vã xô xát nhau. Tháng 6 năm 2023, A Tuấn A bị đưa đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Nay chị xác định không còn tình cảm với A Tuấn A nữa đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với A Tuấn A.

Về con chung: A chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Phạm Hà Vi, sinh ngày 25/03/2012 và cháu Nguyễn Nhật Khang, sinh ngày 17/08/2016. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu A Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Phạm Thùy L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, và giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Theo nội dung bản tự khai ngày 30/10/2013, bị đơn A Nguyễn Tuấn A trình bày như sau:

A và chị Phạm Thùy L kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Hát Lót và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, A chị chung sống hạnh phúc được 7 năm đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Thời điểm khi A còn ở nhà hai A chị cũng đã nhiều lần nói về vấn đề ly hôn. Nay chị L có đơn xin ly hôn A đồng ý ly hôn.

Về con chung: A chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Phạm Hà Vi, sinh ngày 25/03/2012 và cháu Nguyễn Nhật Khang, sinh ngày 17/08/2016. Nguyên vọng của A. Sau khi ly hôn mong muốn được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật Khang, chị L nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Phạm Hà Vi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Châu Nguyễn Phạm Hà Vi, sinh ngày 25/03/2012 và cháu Nguyễn Nhật Khang, sinh ngày 17/08/2016 đều có nguyện vọng ở cùng với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu trA luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên Tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thùy L và A Nguyễn Tuấn A. Về con chung, giao cháu Nguyễn Phạm Hà Vi, sinh ngày 25/03/2012 và cháu Nguyễn Nhật Khang, sinh ngày 18/8/2016 cho chị Phạm Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chấp nhận việc chị L không đề nghị A Tuấn A cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thùy L có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với A Nguyễn Tuấn A có địa chỉ tại: Tiểu khu Tiên Phong, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Hiện đang đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan

hệ pháp luật trA chấp xin ly hôn, trA chấp về con chung khi ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có ý kiến xin được xét xử vắng mặt tại bản tự khai ngày 30/10/2023, nên căn cứ **Điều 227, Điều 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thùy L và A Nguyễn Tuấn A.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] *Về hôn nhân:* Chị Phạm Thùy L và A Nguyễn Tuấn A tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2011, A chị đã được UBND xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/11/2011. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó A chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, A chị chung sống hạnh phúc được khoảng được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị L cho rằng mâu thuẫn là do A Tuấn A nghiện ma túy, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung thường xuyên, cãi cọ làm tổn thương tình cảm của nhau. Tại buổi hòa giải cũng như bản tự khai, A Tuấn A cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và nhất trí ly hôn vì không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của A chị đã trầm trọng, hôn nhân chung không hạnh phúc, A chị đều thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thùy L, xử cho chị L được ly hôn với A Nguyễn Tuấn A.

[2.2] *Về con chung:* Các tài liệu chị L cung cấp và xác định trong thời gian hôn nhân, chị L và A Tuấn A có 02 con chung cháu Nguyễn Phạm Hà Vi, sinh ngày 25/03/2012 và cháu Nguyễn Nhật Khang, sinh ngày 17/08/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị L có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung, A Tuấn A cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng một con chung là Nguyễn Nhật Khang. Tại văn bản ghi ý kiến của con chung trên 07 cháu Nguyễn Phạm Hà Vi và cháu Nguyễn Nhật Khang đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Mặc dù A Nguyễn Tuấn A có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật Khang nhưng hiện nay A Nguyễn Tuấn A đang đi cai nghiện bắt buộc không có thời gian và điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Nhật Khang. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cả hai cháu Nguyễn Phạm Hà Vi, sinh ngày 25/03/2012 và cháu Nguyễn Nhật Khang, sinh ngày 17/8/2016 cho chị Phạm Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng; giáo dục đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền. Chị L không yêu cầu A Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung do A Tuấn A đang đi cai nghiện bắt buộc, không có khả năng cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của chị là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với hoàn cảnh khách quan của A Tuấn A nên cần chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, A chị không có tài sản chung và nợ chung vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về án phí:* Chị Phạm Thùy L phải chịu nộp án phí xin ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thùy L và A Nguyễn Tuấn A.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Hà Vi, sinh ngày 25/03/2012 và cháu Nguyễn Nhật Khang, sinh ngày 17/8/2016 cho chị Phạm Thùy L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền. Chấp nhận việc chị Phạm Thùy L không yêu cầu A Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, A Tuấn A được quyền thăm nom con, không ai được cản trở A Tuấn A thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị L và A Tuấn A xác định không có tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000214 ngày 11 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Ủy ban nhân dân xã Hát Lót;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tráng A Tẻnh